TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 22/2025/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 13 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2025/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Thạch Thị N, sinh năm 1989.

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

- ***Bị đơn:*** Anh Trần P, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Thạch Thị N và anh Trần P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Giao cháu Trần Hoài N, sinh ngày 12/7/2010 cho anh Trần P tiếp tục nuôi dưỡng, chị Thạch Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Trần Thị Như Ý, sinh ngày 02/5/2018 cho chị Thạch Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh Trần P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 9.000.000 đồng (chín triệu), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 05/02/2025 đến

khi cháu Như Ý đủ 18 tuổi, anh P và chị N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Về quan hệ tài sản: chị Thạch Thị N và anh Trần P không tranh chấp nên chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Thạch Thị N tự nguyện nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí ly hôn, nhưng được miễn toàn bộ do thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số sống trong vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị đơn anh Trần P có nghĩa vụ nộp 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện T;
- THA Dân sự huyện T;
- UBND xã T, huyện T:

Giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 08/6/2010
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)